

Phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là một vấn đề không mới và đã được nghiên cứu nhiều trong các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tuy vậy, đánh giá đúng vai trò, thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế vẫn luôn là một trong những đề tài hấp dẫn từ nhiều cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau. Bài viết phân tích chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế dưới góc độ của chuyển dịch cơ cấu lao động và bước đầu lượng hóa ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam thông qua tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới sự thay đổi năng suất lao động xã hội.

1. Cách tiếp cận chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế gắn với tăng trưởng năng suất lao động xã hội - phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu

Khi phân tích quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của một nước, người ta không chỉ phân tích sự chuyển dịch cơ cấu GDP mà còn ở cả sự chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu đầu tư, cơ cấu hàng xuất khẩu và các quan hệ kinh tế quan trọng khác. Phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu xem xét chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trên giác độ chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành trong nền kinh tế.

Nghiên cứu tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến tăng trưởng kinh tế có thể thực hiện thông qua nghiên cứu tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến các yếu tố trực tiếp tạo ra tăng trưởng kinh tế. Phương pháp phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng kinh tế sử dụng dưới đây được

xây dựng trên cơ sở lượng hóa tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng năng suất lao động xã hội. Khái niệm năng suất lao động được sử dụng ở đây là: số sản phẩm một người lao động sản xuất ra trong một đơn vị thời gian, hay số đơn vị thời gian trung bình cần thiết để làm ra một đơn vị sản phẩm. Năng suất lao động trong bài được tính theo phương pháp hạch toán tăng trưởng.

Trong phân tích sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu lực lượng lao động đang làm việc trong nền kinh tế là rất quan trọng, vì ở góc độ phân tích kinh tế vĩ mô, cơ cấu lao động xã hội là chỉ tiêu phản ánh sát thực nhất mức độ thành công về mặt kinh tế-xã hội của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bởi vì công nghiệp hóa, hiểu theo nghĩa đầy đủ của nó, không phải chỉ đơn thuần là sự gia tăng tỷ trọng giá trị của sản xuất công nghiệp, mà là cùng với mức đóng góp vào GDP ngày càng tăng của lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ dựa trên cơ sở công nghệ kỹ thuật hiện đại, phải là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đời sống xã hội con người, trong đó cơ sở quan trọng nhất là số lượng lao động đang làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng lực lượng lao động đang làm việc trong nền kinh tế. So với cơ cấu GDP, cơ cấu lao động phân theo ngành sở dĩ được các nhà kinh tế học đánh giá cao và coi trọng là do

Nguyễn Thị Lan Hương, ThS, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

chỉ tiêu này không chỉ phản ánh xác thực hơn mức độ chuyển biến sang xã hội công nghiệp của một đất nước, mà còn ít bị ảnh hưởng bởi các nhân tố ngoại lai hơn. Ở một số nền kinh tế, tỷ trọng lao động phi nông nghiệp nhỏ, nhưng tỷ trọng của ngành phi nông nghiệp trong GDP lại rất lớn. Lý giải cho hiện tượng này, các nhà kinh tế học đã chỉ ra tình trạng “méo mó” về giá cả, nhất là trong những trường hợp có sự chênh lệch giá cánh kéo lớn giữa giá cả sản phẩm công nghiệp và dịch vụ so với giá cả sản phẩm nông nghiệp. Vì thế, cơ cấu GDP giữa các ngành kinh tế đôi khi không phản ánh đúng thực trạng chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế.

Tầm quan trọng của chuyển dịch cơ cấu lao động thậm chí còn được một số nhà kinh tế xem như chỉ tiêu quyết định nhất để đánh giá mức độ thành công của quá trình công nghiệp hóa trong nghiên cứu so sánh giữa các nền kinh tế. Chẳng hạn, Jungho Yoo đã so sánh thời kỳ công nghiệp hóa giữa các nước dựa trên một tiêu chí duy nhất là coi thời điểm bắt đầu tiến trình công nghiệp hóa ở một nền kinh tế khi tỷ trọng lao động nông nghiệp chiếm 50% tổng lao động xã hội và kết thúc khi tỷ trọng lao động nông nghiệp chỉ còn 20% tổng lao động xã hội¹.

Vì lý do trên, khi phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng năng suất lao động xã hội, tiêu chí được sử dụng để phản ánh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu là sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành. Cơ sở của phương pháp phân tích này xuất phát từ luận điểm: giả thiết rằng trong điều kiện các yếu tố khác như trang bị vốn/lao động, lao động có trình độ tay nghề chuyên môn nhất định... là không đổi, thì chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến tăng trưởng năng suất lao động xã hội. Theo lý thuyết của A. Lewis, trong nền kinh tế có tồn tại dư thừa lao động ở một số ngành có năng suất và hiệu quả thấp (ví dụ ngành nông nghiệp), do đó, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế sẽ làm chuyển dịch lao động từ những

ngành năng suất thấp sang các ngành có năng suất và hiệu quả cao hơn. Việc dịch chuyển lao động như vậy sẽ khiến cho năng suất lao động của toàn bộ nền kinh tế tăng lên. Ngay cả trong nội bộ mỗi ngành (ví dụ ngành công nghiệp), cũng sẽ có sự dịch chuyển lao động từ những ngành có năng suất lao động thấp (ví dụ dệt, may) sang những ngành có năng suất lao động cao hơn (ví dụ ngành điện tử). Trường hợp chuyển dịch này cũng sẽ làm năng suất của toàn nền kinh tế tăng lên. Mặt khác, nếu lao động lại dịch chuyển theo chiều hướng ngược lại, tức là từ ngành có năng suất lao động cao sang ngành có năng suất lao động thấp, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế như vậy sẽ làm giảm năng suất của toàn nền kinh tế. Như vậy, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có thể có tác động tích cực và cả tác động tiêu cực tới năng suất, do đó sẽ có tác động tích cực hay tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng làm tăng hay giảm năng suất toàn nền kinh tế được gọi là “phân thưởng” hay “gánh nặng” cơ cấu.

Theo phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu, tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế sẽ được phân rã thành ba bộ phận, theo công thức sau:

$$G(LP_T) = \frac{LP_{T,fy} - LP_{T,by}}{LP_{T,by}} =$$

$$\frac{\sum_{i=1}^n LP_{i,by} (S_{i,fy} - S_{i,by})}{LP_{T,by}} + \frac{\sum_{i=1}^n (LP_{i,fy} - LP_{i,by}) (S_{i,fy} - S_{i,by})}{LP_{T,by}} + \frac{\sum_{i=1}^n (LP_{i,fy} - LP_{i,by}) S_{i,by}}{LP_{T,by}}$$

1. J. Yoo (2005), Korea's Economic Development with a focus on trade and industrial policies, Paper at policy training workshop & policy dialogue, Seoul, October 4-7 2005.

Trong đó:

$G(LP_T)$: tăng trưởng tổng năng suất lao động của nền kinh tế;

by : năm cơ sở;

fy : năm cuối;

$LP_{i,by}$: năng suất lao động của ngành i ở năm cơ sở;

$LP_{i,fy}$: năng suất lao động của ngành i ở năm cuối;

$S_{i,by}$: tỷ trọng của lao động làm việc trong ngành i trong tổng lao động ở năm cơ sở;

$S_{i,fy}$: tỷ trọng của lao động làm việc trong ngành i trong tổng lao động ở năm cuối.

Bộ phận thứ nhất thể hiện tác động của chuyển dịch cơ cấu được phân rã là tổng thay đổi tương đối trong phân phối lao động giữa các ngành trong thời kỳ nghiên cứu, sử dụng trọng số là giá trị năng suất lao động của ngành ở năm đầu tiên (năm cơ sở). Bộ phận này được gọi là hiệu ứng chuyển dịch tĩnh. Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh sẽ có giá trị dương nếu lao động chuyển dịch từ ngành có năng suất lao động thấp (giảm tỷ trọng lao động làm việc trong ngành) sang ngành có năng suất lao động cao (tăng tỷ trọng của lao động làm việc trong ngành) và ngược lại, hiệu ứng chuyển dịch tĩnh sẽ âm nếu lao động chuyển dịch từ ngành có năng suất lao động cao sang ngành có năng suất lao động thấp. Giả thiết "phân thưởng" cơ cấu từ sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành công nghiệp trong các lý luận truyền thống bắt nguồn từ mối quan hệ này giữa chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng trưởng khi lao động trong nền kinh tế chuyển dịch từ ngành nông nghiệp có năng suất lao động thấp sang ngành công nghiệp có năng suất lao động cao hơn². Điều này có nghĩa là, giả thiết "phân thưởng cơ cấu" được xây dựng trên cơ sở kỳ vọng đóng góp của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh vào tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế là dương:

$$\frac{\sum_{i=1}^n LP_{i,by} (S_{i,fy} - S_{i,by})}{LP_{T,by}} > 0$$

Bộ phận thứ hai thể hiện tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế được phân rã là hiệu ứng chuyển dịch động, được đo bằng tổng của các tương tác về thay đổi cơ cấu lao động và năng suất lao động của ngành. Nếu lao động chuyển dịch sang ngành không những có năng suất lao động cao, mà còn có tốc độ tăng trưởng năng suất lao động cao thì sẽ làm tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế lên mức cao, hiệu ứng tương tác mang tính tích cực sẽ được khuếch đại hơn. Ngược lại, hiệu ứng tương tác sẽ mang tính tiêu cực nếu các ngành có năng suất lao động tăng trưởng nhanh không thể duy trì tỷ trọng việc làm cao trong tổng lao động. Do vậy, thành tố hiệu ứng chuyển dịch động có thể được sử dụng để đánh giá giả thiết của Baumol (1967 và 1985) về "gánh nặng cơ cấu" hay "bệnh chi phí" trong việc phân bổ lại lực lượng lao động theo ngành. Giả thiết "gánh nặng cơ cấu" cho rằng, chuyển dịch cơ cấu có thể kéo lùi tăng trưởng kinh tế khi lao động chuyển dịch từ các ngành phát triển năng động với tốc độ tăng trưởng năng suất cao sang các ngành truyền thống đặc trưng bởi tốc độ tăng trưởng năng suất thấp hơn³. Ở nhiều nước trên thế giới, vấn đề "gánh nặng cơ cấu" đã được chỉ ra khi lao động chuyển dịch từ ngành công nghiệp sang các ngành dịch vụ (với tốc độ tăng trưởng năng suất lao động thấp hơn), và chuyển dịch từ ngành công nghiệp nặng (sử dụng nhiều vốn) sang các ngành công nghiệp nhẹ. Cơ sở của giả thiết "gánh nặng cơ cấu" là: về cơ bản sự tăng trưởng năng suất lao động thông qua ứng dụng tiến bộ công nghệ và việc tích lũy các đầu vào có tính bổ sung cho lao động trong quá trình sản xuất ở hầu hết các ngành trong lĩnh vực dịch vụ, như ngành

2. Timmer, M. P., Szirmai, A., "Productivity growth in Asian manufacturing: the structural bonus hypothesis examined", *Structural Change and Economic Dynamics*, 2000, (11), pp. 371-392.

3. Baumol, W. J., "Macroeconomics of Unbalanced Growth: The Anatomy of Urban Crisis", *The American Economic Review*, 1967, 57, pp. 415-426.

cung cấp dịch vụ cá nhân, dịch vụ xã hội và dịch vụ công, là có giới hạn. Trong khi đó, do năng suất của các ngành khác trong nền kinh tế (như ngành công nghiệp) tăng trưởng nhanh, kéo theo lương của nhân công trong ngành này tăng, tạo ra sức ép tăng lương ở ngành dịch vụ. Kết quả là phần năng suất lao động tăng lên ở các ngành trong lĩnh vực dịch vụ không thể bù đắp được mức tăng lương nhanh chóng của lao động trong ngành. Như vậy, tỷ trọng lao động làm việc trong ngành cũng như tỷ trọng GDP danh nghĩa của ngành dịch vụ tăng lên, nhưng kéo theo đó là chi phí sản xuất cũng tăng lên.

Giả thiết “gánh nặng cơ cấu”:

$$\sum_{i=1}^n (LP_{i,h} - LP_{i,m}) * (S_{i,h} - S_{i,m}) < 0$$

Hiệu ứng thứ ba của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng năng suất lao động là hiệu ứng “tăng trưởng năng suất lao động nội sinh” thể hiện việc năng suất lao động được cải thiện trong điều kiện không có sự chuyển dịch cơ cấu lao động, quy mô lao động làm việc tại mỗi ngành trong nền kinh tế là không đổi trong thời kỳ nghiên cứu. Ngoài nhân tố chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, tăng trưởng năng suất lao động còn là kết quả của việc ứng dụng tiến bộ công nghệ, cải tiến hiệu quả kỹ thuật thông qua cải tiến phương pháp quản trị, đào tạo, nâng cao chất lượng, tay nghề của người lao động v.v... Tất cả ảnh hưởng của các yếu tố này được tính gộp trong hiệu ứng thứ ba nói trên.

2. Lượng hóa tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng năng suất lao động xã hội ở Việt Nam và một số nước trong khu vực

Sử dụng bộ số liệu của Ngân hàng Thế giới trong 40 năm từ 1965-2004, có thể thấy, những số liệu về kinh tế vĩ mô của Việt Nam cho giai đoạn 1985-2004 ở thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa là khá tương đồng với số liệu của Thái Lan trong giai đoạn 1968-1988, Ấn Độ giai đoạn 1965-

1984, Trung Quốc giai đoạn 1985-2004⁴. Vì vậy, bên cạnh việc sử dụng phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu để lượng hóa tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng năng suất lao động xã hội cho Việt Nam, tác giả cũng ứng dụng phương pháp này cho những nước nói trên ở thời kỳ có trình độ công nghiệp hóa khá tương đồng với Việt Nam.

Trong bài viết, cơ cấu ngành của nền kinh tế được chia thành 2 nhóm ngành lớn là nhóm ngành nông nghiệp và nhóm ngành phi nông nghiệp. Đối với những quốc gia đang phát triển, việc xem xét cơ cấu ngành kinh tế dưới góc độ như vậy có ý nghĩa quan trọng khi phân tích sự chuyển dịch lao động ở khu vực nông thôn ra khu vực thành thị, ở khu vực nông nghiệp sang làm việc trong khu vực phi nông nghiệp⁵.

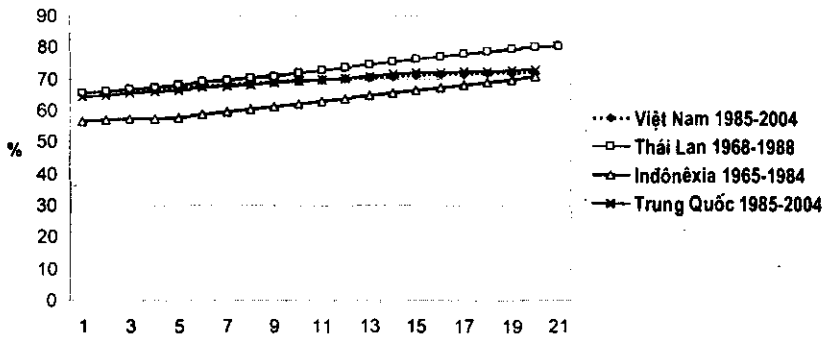
So sánh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động từ nhóm ngành nông nghiệp sang nhóm ngành phi nông nghiệp trong khoảng 20 năm giữa Việt Nam, Ấn Độ, Thái Lan, Trung Quốc có thể thấy, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ở Việt Nam là chậm nhất. Cả Trung Quốc và Việt Nam đều có tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động tương đối chậm, nhưng Trung Quốc vẫn chuyển dịch cơ cấu lao động nhanh hơn Việt Nam, dù quy mô lực lượng lao động của Trung Quốc lớn hơn nhiều lần so với Việt Nam. Thái Lan và Ấn Độ có tốc độ chuyển dịch nhanh gấp đôi Việt Nam khi ở cùng giai đoạn phát triển, thể hiện qua việc hệ số góc của các đường chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp của Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan lần lượt là: 0,36; 0,47; 0,77 và 0,8 (xem hình 1).

4. Số liệu của Malaixia và Philippin hay Hàn Quốc, Nhật Bản từ 1965-2004 là không phù hợp để so sánh với Việt Nam ở trình độ phát triển hiện nay nên không được sử dụng.

5. Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2004, Giáo trình Kinh tế phát triển.

Giá được sử dụng trong nghiên cứu là giá cố định, tính bằng đôla Mỹ năm 2000.

HÌNH 1: Chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp

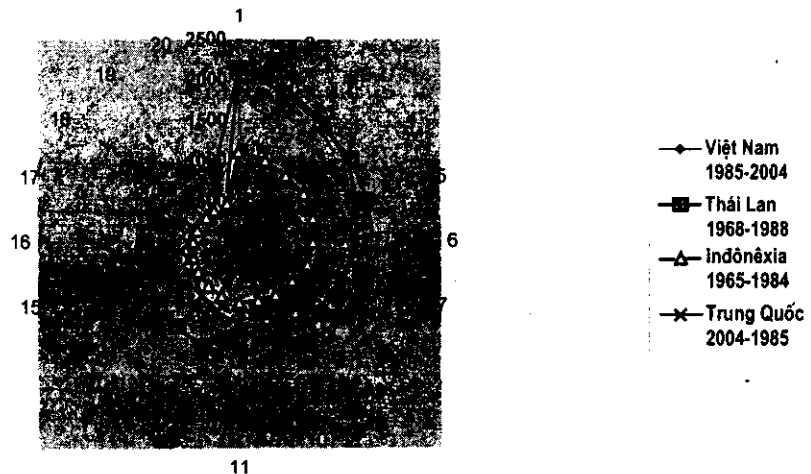


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ngân hàng Thế giới

Về mặt năng suất lao động xã hội (NSLĐXH), tốc độ tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam trong 20 năm qua tăng chậm, trung bình khoảng 4,27%/năm, chỉ bằng khoảng 56% tốc độ tăng trưởng NSLĐXH trung bình của Trung Quốc trong cùng thời kỳ. Chính vì vậy, khoảng cách về NSLĐXH của Việt Nam hiện nay so với Trung Quốc đang ngày càng rộng hơn so với cách đây 20 năm: năm 1985, NSLĐXH trung bình của Trung Quốc chỉ cao hơn của Việt Nam khoảng 22%, nhưng đến năm 2004, NSLĐXH trung bình của Trung Quốc đã cao hơn 130% so với NSLĐXH của Việt Nam. Mặc dù tốc độ tăng trưởng NSLĐXH trung bình của Việt Nam trong giai đoạn 1985-2004 là cao hơn so với của Thái Lan trong

giai đoạn 1968-1988 (2,78%/năm) nhưng do giá trị tuyệt đối của NSLĐXH của Thái Lan lớn hơn rất nhiều so với của Việt Nam nên sự thu hẹp khoảng cách là không đáng kể. NSLĐXH năm 2004 của Việt Nam vẫn chỉ bằng 44% NSLĐXH của Thái Lan năm 1988 so với mức 41% năm 1968, và bằng 23,6% NSLĐXH của Thái Lan năm 2004. Do tốc độ tăng NSLĐXH của Việt Nam chỉ cao hơn chút ít so với tốc độ tăng NSLĐXH của Indônêxia (0,18%/năm) nên khoảng cách được thu hẹp rất nhỏ: năm 1985, NSLĐXH của Việt Nam bằng khoảng 82% NSLĐXH của Indônêxia năm 1965; sau 20 năm, NSLĐXH của Việt Nam bằng khoảng 85% NSLĐXH của Indônêxia năm 1984, bằng 53% NSLĐXH của Indônêxia năm 2004.

HÌNH 2: Biến động năng suất lao động (USD/người)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ngân hàng Thế giới.

Ứng dụng cách tiếp cận phân tích chuyển dịch cơ cấu trình bày ở trên, sử dụng bộ số liệu của Ngân hàng Thế giới cho Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn 1985-2004,

Thái Lan giai đoạn 1968-1988 và Indônêxia giai đoạn 1965-1984, có kết quả đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng NSLĐXH của các nước nghiên cứu như sau:

BẢNG 1: Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành vào tăng trưởng năng suất lao động xã hội

	Việt Nam 1985-2004	Thái Lan 1968-1988	Indônêxia 1965-1984	Trung Quốc 1985-2004
Quy mô (điểm phần trăm)				
Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh	10,31	50,13	9,68	19,29
Hiệu ứng chuyển dịch động	18,79	24,12	33,06	63,91
<i>Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế</i>	<i>29,10</i>	<i>74,25</i>	<i>42,73</i>	<i>83,20</i>
<i>Tăng trưởng nội sinh</i>	<i>101,54</i>	<i>51,16</i>	<i>80,33</i>	<i>251,91</i>
Tăng trưởng NSLĐXH(%)	130,64	125,41	123,06	335,11
Tỷ trọng (%)				
Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh	7,90	39,97	7,86	5,76
Hiệu ứng chuyển dịch động	14,38	19,23	26,86	19,07
<i>Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế</i>	<i>22,28</i>	<i>59,21</i>	<i>34,72</i>	<i>24,83</i>
<i>Tăng trưởng nội sinh</i>	<i>77,72</i>	<i>40,79</i>	<i>65,28</i>	<i>75,17</i>
Tăng trưởng NSLĐ xã hội	100	100	100	100

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ngân hàng Thế giới.

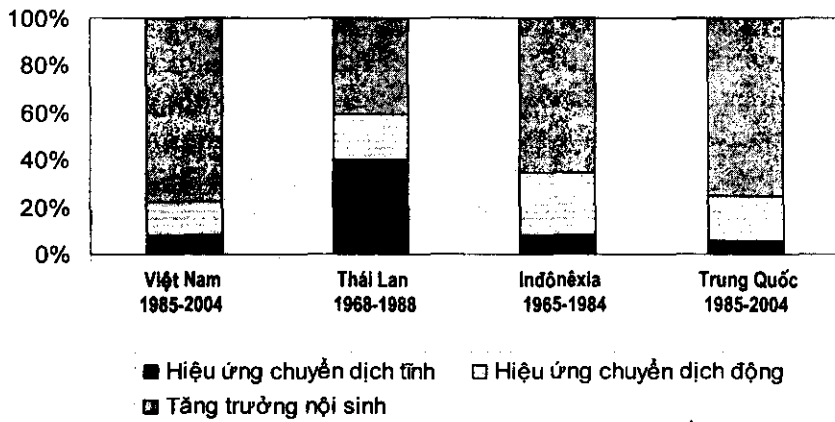
Kết quả ước lượng cho thấy, trong 20 năm đổi mới, NSLĐXH của Việt Nam đã tăng 130%, trong đó các yếu tố tăng trưởng nội sinh như đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, quản lý... đã làm năng suất lao động tăng 101 điểm phần trăm, chiếm 77,7% sự gia tăng của NSLĐXH. Yếu tố chuyển dịch cơ cấu lao động làm NSLĐXH tăng 29,1 điểm phần trăm, đóng góp 22,3% vào sự tăng trưởng của NSLĐXH. Tỷ lệ đóng góp cao này cho thấy mặc dù tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành ở Việt Nam là chậm so với các nước trong khu vực ở cùng giai đoạn phát triển, nhưng chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành đã có đóng góp rất quan trọng vào tăng trưởng năng suất lao động xã hội, và thông qua đó tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm vừa qua. Đóng góp quan trọng đó của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cho thấy trong 20 năm qua, quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam đã đi đúng hướng, hợp lý. Kết quả phân tích này cũng

trùng hợp với các phân tích theo các phương pháp khác về thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam hiện nay⁶.

Ở các nước như Thái Lan, Indônêxia và Trung Quốc, chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành cũng là nhân tố quan trọng góp phần gia tăng NSLĐXH trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, lần lượt là 59,2%; 34,7% và 24,8%. Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động vào tăng trưởng NSLĐXH ở Thái Lan, Indônêxia và Trung Quốc đều cao hơn của Việt Nam, lần lượt là 74,25; 42,73 và 83,2 điểm phần trăm, trùng hợp với việc tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động nhanh hơn ở ba nước này so với Việt Nam.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2006; CIEM, (2006); Kinh tế Việt Nam 2006, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương; và NICEF, (2006); Về những biểu hiện tụt hậu của khu vực dịch vụ - Thông tin chọn lọc phục vụ lãnh đạo số 6-6.2006, Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế-xã hội quốc gia.

HÌNH 3: Đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng NSLĐXH



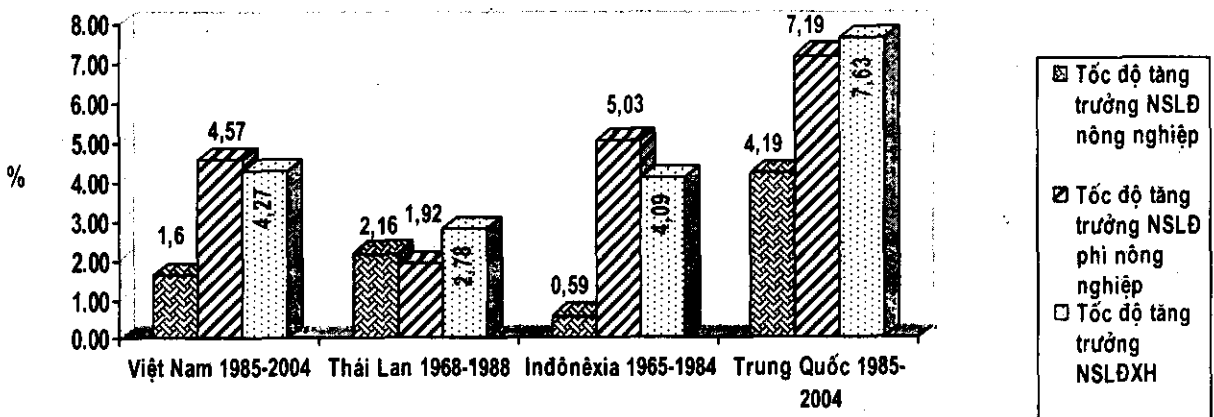
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ngân hàng Thế giới.

Các giá trị dương của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh và hiệu ứng chuyển dịch động ở cả bốn nước Việt Nam, Thái Lan, Ấn Độ và Trung Quốc cho thấy, trong thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa, các nước đang phát triển được nghiên cứu đều hưởng “phần thưởng cơ cấu” và không phải gánh chịu “gánh nặng cơ cấu” do ở thời kỳ này, lao động chủ yếu di chuyển từ lĩnh vực nông nghiệp năng suất thấp sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ có năng suất cao hơn nhiều lần. Ở Thái Lan, hiệu ứng chuyển dịch tĩnh là nhân tố chủ yếu, tạo ra khoảng 40% tăng trưởng của NSLĐXH. Ý nghĩa to lớn của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh ở Thái Lan cho thấy, trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa,

do NSLĐ của nhóm ngành phi nông nghiệp cao gấp rất nhiều lần (khoảng 10 lần trong giai đoạn 1968-1988), nên ở Thái Lan, chỉ cần giảm số lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp đưa sang làm việc trong khu vực phi nông nghiệp cũng đã đem lại sự tăng trưởng mạnh mẽ của NSLĐXH.

Ở Việt Nam, Ấn Độ và Trung Quốc hiệu ứng chuyển dịch động có đóng góp lớn hơn hiệu ứng chuyển dịch tĩnh vào tăng trưởng NSLĐXH, trái ngược với trường hợp Thái Lan. Sự khác biệt này có nguyên nhân từ sự chênh lệch giữa tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động và tốc độ tăng trưởng NSLĐ của nhóm ngành nông nghiệp và nhóm ngành phi nông nghiệp.

HÌNH 4: Tốc độ tăng trưởng năng suất lao động



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ngân hàng Thế giới.

Cả Việt Nam, Indônêxia và Trung Quốc đều có tốc độ tăng trưởng NSLĐXH của nhóm ngành phi nông nghiệp cao hơn so với tốc độ tăng trưởng NSLĐ của nhóm ngành nông nghiệp, và như đã đề cập ở phần lý thuyết, khi lao động được chuyển dịch sang những ngành không những có quy mô NSLĐ lớn hơn mà còn có tốc độ tăng trưởng NSLĐ cao hơn sẽ làm khuếch đại ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động lên tăng trưởng NSLĐXH thông qua hiệu ứng chuyển dịch động. Việt Nam giai đoạn 1985-2004 có tốc độ tăng trưởng NSLĐ của nhóm ngành phi nông nghiệp trung bình là 4,57%/năm, bằng 2,85 lần so với tốc độ tăng trưởng NSLĐ của nhóm ngành nông nghiệp. Trung Quốc trong cùng giai đoạn với Việt Nam có tốc độ tăng trưởng NSLĐ nhóm ngành phi nông nghiệp rất cao, trung bình 7,19%/năm, bằng khoảng 1,71 lần so với tốc độ tăng trưởng NSLĐ của nhóm ngành nông nghiệp. Cả Trung Quốc và Việt Nam đều có tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động tương đối chậm, nhưng Trung Quốc vẫn chuyển dịch cơ cấu lao động nhanh hơn Việt Nam. Có tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động gần tương đương Thái Lan, nhưng Indônêxia, ngược lại với Thái Lan, có hiệu ứng chuyển dịch tĩnh nhỏ hơn nhiều so với hiệu ứng chuyển dịch động do NSLĐ của nhóm ngành phi nông nghiệp năm 1965 chênh lệch không quá lớn (bằng 2 lần) so với NSLĐ của nhóm ngành nông nghiệp, nhưng tốc độ tăng trưởng NSLĐ của nhóm ngành phi nông nghiệp trung bình cao gấp 7,5 lần/năm trong suốt 20 năm, nên chuyển dịch cơ cấu lao động ở Indônêxia giai đoạn 1965-1984 vẫn có đóng góp rất lớn vào tăng trưởng NSLĐXH thông qua tác động của hiệu ứng chuyển dịch động.

Qua những phân tích trên có thể thấy, tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, mà bản chất là chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành, đối với tăng trưởng NSLĐXH và thông qua đó tới tăng trưởng kinh tế là lớn hay nhỏ sẽ phụ thuộc chủ yếu

vào ba yếu tố: quy mô của NSLĐ giữa các ngành và toàn nền kinh tế, tốc độ chuyển dịch lao động và tốc độ tăng trưởng NSLĐ giữa các ngành.

Mặc dù chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có tác động lớn tới NSLĐXH, đặc biệt trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, nhưng không phải nước nào cũng có thể đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và thúc đẩy sự tăng trưởng NSLĐXH. Trong điều kiện không có tiến bộ công nghệ, không có cải tiến hiệu quả kỹ thuật... một lao động nông nghiệp chuyển sang làm cho doanh nghiệp công nghiệp cũng được trang bị máy móc, công cụ làm việc y như các lao động khác đang làm trong doanh nghiệp và anh ta có đủ trình độ để sử dụng được những trang thiết bị này (nếu không cũng sẽ bị sa thải), thì khi đó NSLĐ xã hội sẽ tăng do chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Như vậy, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế chỉ có thể diễn ra khi: doanh nghiệp có thêm vốn trang bị cho lao động tăng thêm và người lao động nông nghiệp có đủ trình độ tay nghề để làm việc trong khu vực phi nông nghiệp. Muốn đẩy nhanh quá trình chuyển dịch thì phải đảm bảo được hai điều kiện trên. Điều kiện thứ hai liên quan đến việc đào tạo và đào tạo lại cho lao động nông nghiệp. Còn điều kiện thứ nhất, trong thực tế, liên quan đến việc phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa vì đây chính là khu vực tạo ra 90% việc làm mới hàng năm ở Việt Nam cũng như các nước đang phát triển trên thế giới, trong đó đại bộ phận lao động này là từ khu vực nông nghiệp chuyển sang. Trung Quốc và Việt Nam trong thời kỳ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và thời gian đầu của thời kỳ quá độ chuyển sang nền kinh tế thị trường, một thời gian dài đã không khuyến khích phát triển thành phần kinh tế tư nhân nên quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế chậm, trái ngược với Thái Lan và Indônêxia khi ở cùng giai đoạn phát triển đã có sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhanh hơn rất nhiều.

Kết luận

Tuy tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế chậm hơn so với các nước trong khu vực ở cùng thời kỳ phát triển, nhưng quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam là đúng hướng: lao động chuyển dịch từ ngành nông nghiệp có năng suất lao động rất thấp sang khu vực phi nông nghiệp có năng suất lao động cao hơn, do đó đã góp phần quan trọng làm tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Ứng dụng phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu lượng hóa tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng NSLĐXH cho thấy, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng NSLĐXH trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa ở tất cả các nước nghiên cứu. Ở Việt Nam, đóng góp này là 22%, trong khi ở các nước khác đóng góp của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế chiếm từ khoảng 25% đến 60% tăng trưởng NSLĐXH.

Do tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam trong 20 năm qua còn chậm và năng suất lao động của Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực khi ở cùng giai đoạn phát triển, nên nếu Việt Nam tạo ra các điều kiện thuận lợi giúp đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế sẽ có đóng góp lớn vào tăng trưởng NSLĐXH trong thời gian tới. Hai lĩnh vực chính sách có thể tác động để đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động là ưu tiên phát triển các doanh nghiệp nhỏ và

vừa, tập trung đào tạo và đào tạo lại cho lao động nông nghiệp để có đủ trình độ, kỹ năng làm việc trong khu vực phi nông nghiệp.

Bằng phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu đơn giản, dễ tính, số liệu sẵn có và ít phải xử lý – phù hợp với thực trạng số liệu và chuỗi thời gian không dài của các nước đang phát triển như Việt Nam, kết quả phân tích rất có ý nghĩa kiểm định đối với các nhận xét về tương quan giữa chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng trưởng kinh tế. Song, phương pháp này ít có tính dự báo cho tương lai, nên những dự báo đánh giá về quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới cần được tiếp tục nghiên cứu với nhiều cách tiếp cận khác nhau./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội hàng năm.
2. Bùi Tất Thắng (2006), Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội
3. CIEM, (2004, 2005, 2006). Kinh tế Việt Nam 2004, 2005, 2006, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương
4. Halvik, P. (2004), Structural change, productivity and employment in the new EU Member States, Research Project commissioned by EU DG Employment, Social Affairs and Equal Opportunities, Contract No. VC/2003/0367
5. NICEF, (2006), Về những biểu hiện tụt hậu của khu vực dịch vụ - Thông tin chọn lọc phục vụ lãnh đạo số 6-6.2006, Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế-xã hội quốc gia
6. Peneder, M. (2002), 'Structural Change and Aggregate Growth', *WIFO Working Papers*, No. 182, Vienna.